

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



Sức Sống Mỗi Ngày

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN**  
**MÃ CỔ PHIẾU: VSN**

Tên tiếng Anh:

Vissan Joint Stock Company

Tên viết tắt:

Vissan

Vốn điều lệ:

809.143.000.000 đồng (Tám trăm linh chín tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Trụ sở chính:

Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại:

+84 8 3553 3999 / 3553 3888

Fax:

+84 8 3553 3939

Website:

[www.vissan.com.vn](http://www.vissan.com.vn)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 01/07/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty: Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản  
Vissan: Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản  
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông  
HĐQT: Hội đồng Quản trị  
BKS: Ban kiểm soát  
BĐH: Ban điều hành  
UBND: Ủy Ban Nhân Dân  
Tp: Thành phố  
Tp. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh  
TNHH: Trách nhiệm hữu hạn  
MTV: Một thành viên  
SATRA: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV

# NỘI DUNG

<b>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>Trang 5</b>
1. Quá trình hình thành và phát triển.....	Trang 5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	Trang 6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	Trang 7
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	Trang 12
5. Các nhóm rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	Trang 12
<b>PHẦN II: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b> .....	<b>Trang 14</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	Trang 14
2. Công tác nhân sự .....	Trang 16
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	Trang 16
4. Tình hình tài chính .....	Trang 16
5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	Trang 19
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 .....	Trang 19
7. Báo cáo phát triển liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	Trang 20
<b>PHẦN III: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>Trang 23</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.....	Trang 23
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	Trang 23
<b>PHẦN IV: QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>Trang 24</b>
1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị .....	Trang 24
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	Trang 26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 06 tháng cuối năm 2016.....	Trang 27
4. Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông nội bộ.....	Trang 28.
5. Thực hiện các quy định về quản trị.....	Trang 28.
<b>PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>Trang 29</b>

## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

### 1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản tiền thân một doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (SATRA), được thành lập vào ngày 20/11/1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18/05/1974. Đầu năm 2016, Vissan chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 809.143.000.000 đồng sau gần 46 năm hình thành và phát triển:

- Trước đây, vùng đất xây dựng Vissan là một cù lao nhỏ thuộc tỉnh Gia Định.
- Ngày 20/11/1970, lễ đặt viên đá đầu tiên khởi công xây dựng “Lò sát sinh Tân Tiến Đô Thành”. Đây là cột mốc lịch sử đặt nền tảng đầu tiên cho ngành công nghiệp giết mổ gia súc tại Việt Nam.
- Ngày 18/5/1974, nhà máy được khánh thành và chuyên về giết mổ gia súc. Đây là kế hoạch hậu chiến của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa nhằm phát triển kinh tế và thực phẩm an toàn.
- Sau ngày giải phóng năm 1975, Vissan được đổi tên thành Công ty Thực Phẩm I với chức năng chuyên cung cấp thịt cho lực lượng vũ trang, công nhân viên chức với định lượng bao cấp.
- Năm 1980, Vissan tham gia thị trường xuất khẩu thịt heo đông lạnh theo Nghị định thư sang Liên Xô và thị trường Đông Âu. Trong giai đoạn 1980 - 1995 Vissan là một trong những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu lớn của cả nước.
- Từ nơi chỉ vỗ béo heo thịt, Công ty đã chuyển đổi Xí nghiệp chăn nuôi Gò Sao sang phương thức nuôi heo sinh sản và heo thịt, tổ chức phương thức chăn nuôi gia công tạo nguồn nguyên liệu cho Công ty.
- Ngày 16/11/1989, được đổi tên thành Công ty Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – Vissan gắn với biểu tượng 3 bông mai.
- Từ năm 1990, Công ty đã chuyển mình mạnh mẽ, thực hiện phương châm “tập trung vào thị trường nội địa, trong đó phát triển ngành hàng chế biến làm trọng tâm”. Công ty đã đầu tư một hệ thống chế biến hàng cao cấp theo công nghệ của Pháp với máy móc thiết bị hiện đại, được đầu tư vào năm 1994 có vốn đầu tư 2,7 triệu đô la Mỹ với công suất khoảng 5.000 tấn/năm.
- Năm 1995, trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.
- Năm 1997, Công ty phát triển nhiều dòng sản phẩm mới, đến nay Công ty đã sản xuất trên 200 sản phẩm chế biến.
- Năm 2000, Vissan đã bắt đầu phát triển vững mạnh và tổ chức lại hệ thống kênh phân phối thông qua việc đưa sản phẩm Vissan vào các siêu thị, cửa hàng tiện dụng và xây dựng hệ thống phân phối cửa hàng giới thiệu sản phẩm.
- Ngày 21/9/2006, chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV.
- Ngày 04/12/2014, UBND Tp.HCM quyết định cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (Vissan) thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND.
- Ngày 7/3/2016, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM với tổng số cổ phần trúng giá 11.328.002 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 80.053 đồng/ cổ phần.

- Ngày 28/05/2016, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- Ngày 01/07/2016, Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (Vissan) được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2006 do Sở KH&ĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 809.143.000.000 đồng.
- Ngày 04/08/2016, Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5067/UBCK-GSĐC của UBCKNN.
- Ngày 04/10/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 114/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 80.914.300 cổ phiếu.
- Ngày 11/10/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 630/QĐ-SGDHN.
- Ngày 21/10/2016, là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Vissan: sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt heo, bò, gia cầm; các sản phẩm chế biến từ thịt. Sản xuất thức ăn gia súc và kinh doanh heo giống, heo thịt.

Vissan là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thực phẩm, nhà máy sản xuất chính tại Tp. Hồ Chí Minh và một nhà máy tại Khu công nghiệp Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh với các thiết bị hiện đại:

- 03 dây chuyền giết mổ heo công nghiệp công suất 2.400 con/6 giờ sản xuất.
- 02 dây chuyền giết mổ bò công nghiệp công suất 300 con/6 giờ sản xuất.
- Dây chuyền sản xuất thịt chế biến cao cấp theo công nghệ Pháp: xúc xích, jambon, thịt xông khói công suất 5.000 tấn/ca/năm.
- Dây chuyền chế biến xúc xích tiệt trùng theo công nghệ Nhật Bản công suất 8.000 tấn/ca/năm.
- Sản xuất hàng chế biến truyền thống Việt Nam: chả giò, lạp xưởng, đồ hộp, các loại giò chả, v.v....: 8.000 tấn/năm.

### 2.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty kinh doanh chủ yếu tại thị trường trong nước, với mạng lưới hệ thống phân phối của Vissan bao gồm: 01 Chi nhánh Vissan tại Hà Nội phụ trách thị trường khu vực phía Bắc, 01 siêu thị & văn phòng Vissan tại Đà Nẵng phụ trách thị trường khu vực miền Trung, 01 Chi nhánh Vissan tại tỉnh Bình Dương, văn phòng chính của Công ty tại Tp. Hồ Chí Minh phụ trách thị trường khu vực miền Nam, 01 văn phòng đại diện tại Campuchia, 49 cửa hàng giới thiệu sản phẩm, 174 điểm bán thịt tươi sống tại chợ truyền thống và 122 nhà phân phối và 130.000 điểm bán trên toàn quốc.

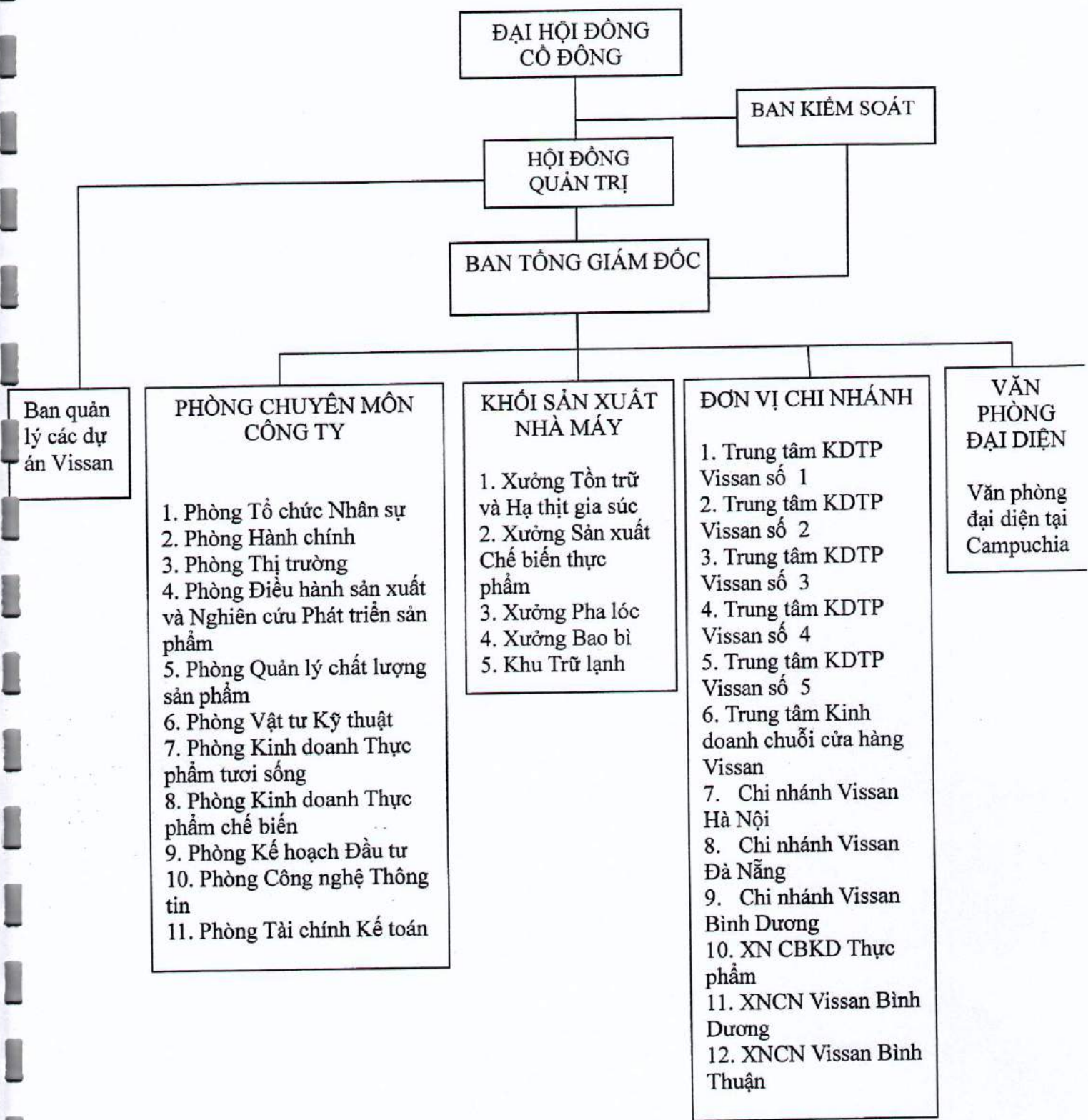
Hiện nay, sản phẩm của Công ty được phân phối rộng khắp toàn quốc thông qua hệ thống:

- ✓ 1.342 cửa hàng tiện dụng;

- ✓ 408 Siêu thị, trung tâm thương mại;
- ✓ 122 nhà phân phối thực hiện bán hàng theo kênh GT trên cả nước với 130.000 điểm bán.
- ✓ Sản phẩm thịt tươi sống còn được phân phối thông qua 174 sạp chợ truyền thống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản trị**





### 3.2. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	<b>Nguyễn Phúc Khoa</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>	0	0	Phụ trách chung HĐQT, Tổ chức bộ máy, Ban quản lý các dự án Vissan
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>					
1.1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên	Phó Tổng Giám đốc	0	0	
1.2	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	Chủ tịch HĐQT	0	0	
1.3	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cần Giờ	Thành viên HĐQT	0	0	
1.4	Công ty Cổ phần Satra Thái Sơn	Thành viên HĐQT	0	0	
1.5	Công ty Cổ phần Thủy sản Sài Gòn – Cao Lãnh	Thành viên HĐQT	0	0	
1.6	Công ty Cổ phần VDA Hậu Giang	Thành viên HĐQT	0	0	
1.7	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Thành viên HĐQT	0	0	
1.8	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	<b>Văn Đức Mười</b>	<b>Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>	3.400	0,004 %	Phụ trách điều hành Công ty, hoạt động kinh doanh, thị trường
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có</i>					
3	<b>Ông Phạm Trung Lâm</b>	<b>Phó Chủ tịch HĐQT</b>	0	0	Phụ trách hoạt động Kế hoạch, Chiến lược
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>					
3.1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Thành viên HĐQT	0	0	
3.2	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Thành viên HĐQT	0	0	
3.3	Công ty Cổ phần Masan Nutri –	Thành viên HĐQT	0	0	

	Science				
4	Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT	0	0	Phụ trách Tài chính, Pháp chế
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:					
4.1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên	Phó Giám đốc Tài Chính – Kế toán	0	0	
4.2	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	Kiểm soát viên	0	0	
4.3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dân Sinh	Kiểm soát viên	0	0	
5	Ông Nguyễn Ngọc An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	8.600	0,0106 %	Phụ trách Kỹ thuật, Sản xuất, Nghiên cứu và Phát triển
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có					

### TÓM TẮT LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Phúc Khoa	1967	12/12	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư máy tính
2	Văn Đức Mười	1957	12/12	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) Cử nhân Anh văn
3	Phạm Trung Lâm	1973	12/12	Cử nhân Quản trị kinh doanh
4	Trần Ngọc Đăng	1962	12/12	Cử nhân Kế toán
5	Nguyễn Ngọc An	1963	12/12	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) Kỹ sư cơ khí Cử nhân Anh văn

### 3.3. Thành viên và cơ cấu của Ban Điều Hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu %
1	Văn Đức Mười <i>Đại diện cá nhân</i> <i>Đại diện vốn nhà nước</i>	Tổng Giám đốc	3.400 14.564.574	0,004% 18%
2	Nguyễn Ngọc An <i>Đại diện cá nhân</i> <i>Đại diện vốn nhà nước</i>	Phó Tổng Giám đốc	8.600 8.091.430	0,0106% 10%
3	Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc	5.400	0,0067%

4	Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc	2.900	0,0036%
5	Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
6	Huỳnh Quang Giàu	Kế toán trưởng	200	0,0002%

### TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn
1	Văn Đức Mười	1957	12/12	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Cử nhân Anh văn
2	Nguyễn Ngọc An	1963	12/12	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Kỹ sư cơ khí Cử nhân Anh văn
3	Đặng Thị Phương Ninh	1974	12/12	Thạc sĩ Thực hành Quản trị Kinh doanh (EMBA) Kỹ sư hóa thực phẩm
4	Lâm Thị Ngọc Sương	1962	12/12	Cử nhân Kinh tế
5	Nguyễn Đăng Phú	1966	12/12	Kỹ sư chế tạo máy
6	Huỳnh Quang Giàu	1975	12/12	Cử nhân Kinh tế: chuyên ngành Tài chính Kế toán, Quản trị Kinh doanh

### 3.4. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Kim Khánh <i>Đại diện cá nhân</i> <i>Đại diện vốn nhà nước</i>	Trưởng ban	0 4.854.858	0% 6%
2	Hoàng Thị Kim Phượng <i>Đại diện cá nhân</i> <i>Đại diện vốn nhà nước</i>	Kiểm soát viên	0 2.427.429	0% 3%
3	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	0	0%

### TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Kim Khánh	1966	12/12	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Xây dựng cơ bản
2	Hoàng Thị Kim Phượng	1969	12/12	Cử nhân ngành Kế toán, Cử nhân ngữ văn Anh
3	Đoàn Thị Mỹ Duyên	1985	12/12	Thạc sĩ kế toán trưởng Đại học Kinh tế Tp.HCM

**4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 06/03/2017)**  
**Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông ngày 06/03/2017**

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
<b>Nước ngoài:</b>			
Cá nhân	8	12.000	0,015 %
Tổ chức	2	3.303.000	4,082 %
<b>Trong nước:</b>			
Cá nhân	1.148	1.652.600	2,042 %
Tổ chức	7	75.946.700	93,861 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.165</b>	<b>80.914.300</b>	<b>100 %</b>

**Danh sách cổ đông lớn theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/03/2017:**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ / Tổng số CP %
1	<b>Tổ chức</b>	<b>75.009.904</b>	<b>92,70 %</b>
-	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA)	54.829.878	67,76 %
-	Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)	20.180.026	24,94 %
2	<b>Cá nhân</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**5. Các nhóm rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

**5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô**

Trong năm 2016, nền kinh tế trong nước vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu như bão lũ ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung, tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng tại Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân. Do đó đã tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, về chủ đạo kinh tế Việt Nam có nhiều cải thiện đáng kể, tăng trưởng kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng người dân có xu hướng tiết kiệm trong chi tiêu, sức mua trong nước vẫn còn thấp nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**5.2. Rủi ro về cạnh tranh**

Đối với ngành hàng kinh doanh như Công ty Vissan, có nhiều đối thủ cạnh tranh trong nước, ngoài nước có tiềm lực tài chính và kênh phân phối mạnh đã và đang tham gia vào thị

trường ngành thực phẩm. Đối với vấn đề này, Công ty có bộ phận chức năng thường xuyên cập nhật thông tin, ứng phó và xử lý kịp thời tại từng thị trường khu vực trên toàn quốc.

### **5.3. Rủi ro về nguồn nguyên liệu**

Chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành các sản phẩm của Công ty. Vì vậy, khi nguồn nguyên liệu không ổn định do bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; tình hình thời tiết, bão lụt; sự thay đổi các chính sách về xuất nhập khẩu ngành thực phẩm, các chương trình, chính sách liên quan đến nguồn chăn nuôi; sự biến động về nguồn gia súc, gia cầm các nước lân cận sẽ tác động đến cung cầu các sản phẩm chăn nuôi.

Năm 2016, nguồn heo hơi dồi dào, tuy nhiên một số thời điểm lượng xuất tiêu ngạch qua đường biên giới Trung Quốc tăng cao làm mất cân đối cung cầu, giá heo hơi tăng cao đột biến, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### **5.4. Rủi ro về thông tin, truyền thông**

Trong giai đoạn hiện nay, thông tin truyền thông giữ vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Thông tin truyền thông giúp doanh nghiệp có thể quảng bá sản phẩm, tạo ra nhu cầu tiêu dùng, nhưng cũng có thể tác động ngược lại gây bất lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm khi có các thông tin xấu. Trong thời gian vừa qua các thông tin truyền thông rộng rãi về tình hình thực phẩm bẩn phổ biến, tình hình sử dụng chất tăng trưởng, chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt; một số đơn vị sản xuất thực phẩm sử dụng nguyên phụ liệu chưa đạt yêu cầu, cộng với các thông tin bất lợi từ thị trường khi sử dụng thực phẩm chế biến đã tác động đến tâm lý tiêu dùng của người dân, dẫn đến sức mua trên thị trường giảm sút kéo dài.

## PHẦN II: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Tổng quan

Tổng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2016, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	KH 2016	Thực hiện 2016	% Tăng/giảm so CK	% Tăng/giảm so KH
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	DT mạng lưới	Triệu đ	3.748.876	4.010.000	3.684.997	-2%	-8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	152.865	124.222	148.205	-3%	19%
3	Mặt hàng bán ra chủ yếu:						
3.1	Thịt heo các loại	Tấn	18.681	19.055	21.154	13%	11%
3.2	Thịt bò	Tấn	1.286	1.380	1.607	25%	16%
3.3	Thực phẩm chế biến	Tấn	18.660	20.865	17.255	-8%	-17%

Các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 như sau:

#### **Đối với ngành hàng thực phẩm tươi sống**

Ngành thực phẩm tươi sống đạt được sự tăng trưởng như trên, đó là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt và kịp thời của Ban Điều hành Công ty trong việc mở rộng hệ thống điểm bán, áp dụng các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, công bố thịt heo đạt tiêu chuẩn VietGAP và thịt bò Úc giết mổ theo tiêu chuẩn Escas, triển khai thực hiện “Đề án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo của Thành phố” (chương trình TE-FOOD) trên kênh phân phối hiện đại của Công ty.

#### **Đối với ngành hàng thực phẩm chế biến:**

Tình hình kinh doanh của ngành hàng thực phẩm chế biến trong năm 2016 diễn biến phức tạp, sức mua ngành giảm mạnh trên toàn quốc do những thông tin bất lợi trên thị trường. Công ty cũng bị ảnh hưởng theo tình hình chung, trong đó nhóm hàng chủ lực xúc xích tiết trùng giảm nhiều về doanh thu và sản lượng.

Trước những thách thức trong ngành thực phẩm chế biến trong thời gian qua, Công ty đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp đối với kênh hiện đại và kênh truyền thống nhằm nắm giữ thị phần, đảm bảo sản phẩm luôn có mặt trên các quầy kệ, hạn chế sự sụt giảm sản lượng.

#### **Lợi nhuận trước thuế**

Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận:

- Năm 2016 do các bất lợi thị trường nên sản lượng và doanh thu hàng thực phẩm chế biến giảm sút.
- Công ty chuyển sang loại hình doanh nghiệp Cổ phần từ tháng 7/2016. Chi phí tăng thêm trong 6 tháng cuối năm 2016 là 47 tỷ đồng.
- Giá heo hơi giảm trong quý 4/2016 đã góp phần giảm chi phí đầu vào.

### **Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Để nâng cao vị thế trên thị trường, trong năm 2016 Vissan đưa ra thị trường 09 sản phẩm mới như: xúc xích tiết trùng Dzui Dzui, xúc xích tiết trùng phô mai, xúc xích tươi Happy, nem gà lá chanh, giò Hoa, xúc xích Hồ Lô, xúc xích Pecan, ruốc sấy giòn, thịt lợn hấp. Các sản phẩm bước đầu đã được người tiêu dùng quan tâm và chấp nhận.

### **1.2. Phát triển nguồn nguyên liệu đầu vào cho Công ty**

Tháng 09/2016 Công ty đã triển khai nhập 220 con heo giống tạo điều kiện để cải thiện chất lượng đàn heo, cải thiện hệ số di truyền và phát triển đàn heo theo kế hoạch phát triển nguồn nguyên liệu của Công ty tại Xí nghiệp Chăn nuôi Vissan Bình Thuận và Xí nghiệp Chăn nuôi Vissan Bình Dương.

### **1.3. Ứng dụng Công nghệ thông tin hoạt động sản xuất – kinh doanh**

Triển khai thành công hệ thống ERP Dynamics AX 2012 cho Trung tâm Kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan.

Mở rộng phần cứng và khai thác tốt phần mềm đang ứng dụng trong quản lý: phần mềm tài chính kế toán Fast, phần mềm kho.

Sử dụng công nghệ thông tin trong chương trình truy xuất nguồn gốc thịt heo (TE-FOOD) của Sở Công Thương.

Bên cạnh đó, Công ty đang từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong chương trình Vis-Trace của Vissan (chương trình truy xuất nguồn gốc, tạo các sản phẩm có giá trị gia tăng).

### **1.4. Các giải thưởng tiêu biểu**

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương trao tặng về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia bình ổn thị trường năm 2015.

- Bằng khen của UBND Tp. HCM về việc đã có nhiều đóng góp trong chương trình hợp tác thương mại, kết nối cung-cầu giữa Tp. HCM với các tỉnh, thành liên tục nhiều năm trên địa bàn Thành phố.

- Bằng khen của Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao chứng nhận Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN) 20 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

- Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh, ngăn ngừa các hành vi vi phạm về sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, góp phần vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế về việc đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2015.

- Giải thưởng Doanh nghiệp Tp. HCM tiêu biểu năm 2016 do UBND Tp. HCM trao tặng.

- Giải thưởng Top 10 sản phẩm - Dịch vụ Tin & Dùmng Việt Nam 2016 do Tạp Chí Tư vấn Tiêu Và Dùmng chứng nhận.

- Đạt giải thưởng Thương Hiệu Quốc Gia giai đoạn: 2016-2018 do Bộ Công Thương trao tặng.

## 2. Công tác nhân sự

Tổng số lao động bình quân trong năm 2016: 3.870 người.

Về công tác tuyển dụng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu nhân sự của Công ty.

Về thực hiện công tác chính sách đối với người lao động: Từ ngày 01/01/2016, Vissan xây dựng và áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương mới; áp dụng mức lương tối thiểu vùng, chính sách chế độ bảo hiểm mới theo quy định pháp luật đối với người lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2016, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai, Công ty thực hiện một số công tác sau:

- Thành lập Ban Chuyên trách các dự án Vissan, bổ sung nhân sự chuyên trách nhằm kế thừa, rà soát các số liệu, tổ chức thực hiện dự án Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Vissan đảm bảo hiệu quả đầu tư theo mô hình hoạt động kinh doanh hiện nay.

- Nhập 220 con heo giống từ Mỹ nhằm phát triển nguồn nguyên liệu cho Công ty.

- Đầu tư, bổ sung các trang thiết bị nhằm thực hiện chuỗi giá trị thực phẩm an toàn từ trang trại đến bàn ăn có thể truy xuất nguồn gốc, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.474.083.445.866	1.489.979.167.890	1.08%
Doanh thu thuần	3.721.185.351.177	3.670.946.307.360	-1.35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	152.557.242.322	145.807.005.765	-4.42%
Lợi nhuận khác	308.268.079	2.397.856.810	677.85%
Lợi nhuận trước thuế	152.865.510.401	148.204.862.575	-3.05%
Lợi nhuận sau thuế	116.292.433.844	118.180.936.903	1.62%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1.54	1.36	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0.76	0.63	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	38.8%	42.0%	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	63.4%	72.5%	



3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	7.04	6.81	lần
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	2.71	2.48	lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	3.1%	3.2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	16.0%	13.4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	8.5%	8.0%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	4.1%	4.0%	

#### 4.3. Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2015		So sánh 2016/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>836.641</b>	<b>56,2%</b>	<b>790.771</b>	<b>53,6%</b>	<b>45.870</b>	<b>5,8%</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	214.323	14,4%	208.395	14,1%	5.928	2,8%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	165.840	11,1%	179.422	12,2%	(13.582)	-7,6%
- Hàng tồn kho	452.525	30,4%	399.440	27,1%	53.085	13,3%
- Tài sản ngắn hạn khác	3.953	0,3%	3.514	0,2%	439	12,5%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>653.338</b>	<b>43,8%</b>	<b>683.312</b>	<b>46,4%</b>	<b>(29.974)</b>	<b>-4,4%</b>
- Các khoản phải thu dài hạn	1.477	0,1%	2.177	0,1%	(700)	-32,2%
- Tài sản cố định	466.960	31,3%	461.573	31,3%	5.387	1,2%
- Tài sản dở dang dài hạn	20.603	1,4%	25.432	1,7%	(4.829)	-19,0%
- Đầu tư tài chính dài hạn	4.833	0,3%	5.513	0,4%	(680)	-12,3%
- Tài sản dài hạn khác (không bao gồm Lợi thế kinh doanh)	11.596	0,8%	11.174	0,8%	422	3,8%
- Giá trị còn lại của Lợi thế kinh doanh	147.869	9,9%	177.443	12,0%	(29.574)	-16,7%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.489.979</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.474.083</b>	<b>100,0%</b>	<b>15.896</b>	<b>1,1%</b>

Tổng Tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 đạt 1.490 tỷ đồng. Trong đó, Cơ cấu Tài sản không thay đổi nhiều so với năm trước và nghiêng về Tài sản ngắn hạn (chiếm tỷ trọng 56,2%), trong khi đó Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 43,8% trên Tổng Tài sản. Các khoản mục chiếm phần lớn trong Tổng Tài sản bao gồm Hàng tồn kho và Tài sản cố định. Cơ cấu này là phù hợp với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm như công ty Vissan.

Tổng Tài sản của công ty đến cuối năm 2016 tăng 15,9 tỷ đồng (tăng 1,1%) so với cùng kỳ năm 2015. Tài sản ngắn hạn tăng 45,9 tỷ đồng (tăng 5,8%) chủ yếu do Công ty đang đầu tư

thêm vốn lưu động, góp phần nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017. Hàng tồn kho được Công ty đầu tư thêm 53 tỷ đồng (tăng 13,3% so với năm 2015) chủ yếu do Công ty cần dự trữ thành phẩm, hàng hóa để chuẩn bị do dịp cao điểm Tết cổ truyền. Bên cạnh đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn giảm 13,6 tỷ đồng (giảm 7,6%) chủ yếu do Công ty thu được tiền của khách hàng sớm hơn so với năm trước. Việc này giúp cho Công ty có thêm tiền để đầu tư vào các tài sản khác. Tài sản dài hạn giảm 30 tỷ đồng (giảm 4,4%) so với cuối năm 2015 chủ yếu do giá trị còn lại của Lợi thế kinh doanh (phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước) đến cuối năm giảm 29,6 tỷ đồng, khoản giảm này là Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh trong 6 tháng cuối năm 2016.

#### 4.4. Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2015		So sánh 2016/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>613.435</b>	<b>98,0%</b>	<b>513.988</b>	<b>89,8%</b>	<b>99.447</b>	<b>19,3%</b>
Trong đó:						
- Phải trả người bán ngắn hạn	144.884	23,1%	157.134	27,5%	(12.249)	-7,8%
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47.458	7,6%	27.338	4,8%	20.121	73,6%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	214.331	34,2%	66.341	11,6%	147.991	223,1%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>12.706</b>	<b>2,0%</b>	<b>58.097</b>	<b>10,2%</b>	<b>(45.391)</b>	<b>-78,1%</b>
Trong đó:						
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.706	2,0%	41.816	7,3%	(29.110)	-69,6%
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	0,0%	14.450	2,5%	(14.450)	-100,0%
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>626.141</b>	<b>100,0%</b>	<b>572.085</b>	<b>100,0%</b>	<b>54.056</b>	<b>9,4%</b>

Tổng Nợ phải trả của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 626,1 tỷ đồng. Trong đó, Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn với tỷ trọng tại thời điểm cuối năm 2015 và 2016 lần lượt là 89,8% và 98%.

Tổng Nợ phải trả của Công ty đến cuối năm 2016 tăng 54,1 tỷ đồng (tăng 9,4%) so với cùng kỳ năm 2015. Nợ phải trả ngắn hạn tăng 99,4 tỷ đồng (tăng 19,3%) chủ yếu nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản Người mua trả tiền trước ngắn hạn (chủ yếu là khoản người mua đặt trước tiền mua hàng Lạp xưởng và Giò các loại cho dịp Tết cổ truyền) nhiều hơn cùng kỳ năm trước 20,1 tỷ đồng (tăng 73,6%). Điều này thể hiện uy tín ngày càng tăng của Công ty đối với khách hàng. Đồng thời, nhờ có thêm nguồn tiền này nên Công ty đã trả sớm trước thời hạn đối với một số khoản mua hàng gần đến hạn nhằm giữ mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp; điều này khiến cho khoản Phải trả người bán ngắn hạn giảm 12,2 tỷ đồng (giảm 7,8%) so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số dư Khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 148 tỷ đồng (tăng 223,1%). Khoản vay tăng thêm dùng để tài trợ cho vốn lưu động. Tuy nhiên tổng giá trị khoản vay ngắn hạn này vẫn nằm

trong hạn mức vay ngắn hạn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được phê duyệt. Nợ phải trả dài hạn giảm 45,4 tỷ đồng (giảm 78,1%) chủ yếu do Công ty đã hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 14,45 tỷ đồng và trả các khoản vay trung và dài hạn đến hạn trả. Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

## 5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 5.1. Cơ cấu tổ chức

Về cơ cấu tổ chức, trong năm 2016 Công ty đã triển khai như sau:

- Thực hiện chuyển đổi tên gọi các chi nhánh trực thuộc; lập kế hoạch cấu trúc lại bộ phận Điều hành sản xuất và Nghiên cứu phát triển sản phẩm thành hai phòng chuyên môn với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận chuyên biệt tập trung trong lĩnh vực điều hành hoạt động sản xuất của Công ty và phát triển sản phẩm mới.

- Thực hiện việc định biên và xây dựng sơ đồ cơ cấu tổ chức mô tả các chức danh công việc từng vị trí nhân viên tại các phòng chuyên môn theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Hoàn thiện và bổ sung nhân sự mới với trình độ chuyên môn, tay nghề phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu về sản xuất và phát triển mạng lưới kinh doanh; đánh giá lại chất lượng nhân sự quản lý cấp trung, thực hiện việc bổ nhiệm lại nhân sự phù hợp với mô hình hoạt động Công ty cổ phần sau chuyển đổi.

### 5.2. Chính sách và quản lý

Đối với chính sách và quản lý, trong năm Công ty đã triển khai như sau:

- Thực hiện xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương mới.

- Truyền đạt, phổ biến các chính sách cho người lao động về mua cổ phần ưu đãi, chia quỹ phúc lợi khi Công ty thực hiện cổ phần hóa.

- Rà soát, tiến hành xây dựng lại các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động công ty cổ phần.

- Tăng cường công tác bảo hộ, an toàn lao động, công tác đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao tay nghề; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

## 6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQHĐQT-CTY ngày 13/02/2017 của Hội đồng quản trị Công ty tại phiên họp Hội đồng quản trị ngày 11 và 12/02/2017; theo đó Hội đồng quản trị đã xác định chỉ tiêu kế hoạch định hướng cho năm 2017 với thực phẩm tươi sống tăng 35%, phần đầu đạt mức tăng trưởng 50%; thực phẩm chế biến tăng trưởng 14,5% so với thực hiện năm 2016; chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 156 tỷ đồng.

- Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 và dự báo tình hình kinh tế xã hội, sức mua tiêu dùng năm 2017; các qui định, chính sách của Nhà nước đối với các Công ty cổ phần hoá, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2016	KH 2017	% Tăng trưởng so CK
	A	B	1	2	3=2/1
1	DT mạng lưới	Triệu đ	3.684.997	4.545.000	23%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	148.205	156.000	5%

<b>3</b>	<b>Mặt hàng bán ra chủ yếu:</b>				
3.1	Thịt heo các loại	Tấn	21.154	28.500	35%
3.2	Thịt bò	Tấn	1.607	2.170	35%
3.3	Thực phẩm chế biến	Tấn	17.255	19.760	14,5%

Về chỉ tiêu lợi nhuận, một số chi phí trong năm kế hoạch sẽ tăng thêm theo quy định Nhà nước là 41,7 tỷ đồng (chi phí bảo hiểm, chi phí khấu hao, chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh,...) Công ty vẫn phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận 5%.

## 7. Báo cáo phát triển liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 7.1. Báo cáo đánh giá về năng lượng và môi trường:

#### Về năng lượng:

##### ➤ Điện:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
  - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: lượng điện tiêu thụ 10,372,458 (Kwh/năm).
  - Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: lượng dầu FO tiêu thụ 48,000 (lít/năm) và lượng dầu DO tiêu thụ 22,000 (lít/năm).
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: tổng năng lượng điện tiết kiệm trong 1 năm thông qua các sáng kiến là: 120,217 (Kwh/năm).
- Bên cạnh đó, Vissan không ngừng tìm các giải pháp sáng kiến tiết kiệm năng lượng với tổng năng lượng tiết kiệm 120.217,5Kwh/năm.

##### ➤ Nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
  - Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục từ Công ty Cấp nước Gia Định
  - Lượng nước sử dụng: 449,961 (m<sup>3</sup>/năm).
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: hiệu rõ tầm quan trọng của nước, Vissan luôn tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm sử dụng nước và đã đưa ra sáng kiến tái sử dụng nước an toàn và hiệu quả. Nước tái sử dụng: 5,293 (m<sup>3</sup>/năm), chiếm 1,1%.

**Về môi trường:** Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường.

##### ➤ Nước thải

- Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất 1000 m<sup>3</sup>/ngày trước khi thải ra sông Sài Gòn.
- Công nghệ xử lý nước thải: phương pháp sinh học, kết hợp yếm khí và hiếu khí.  
Nước đầu vào -> Máy lược rác -> Bể điều hòa -> Bể keo tụ - tạo bông - tuyển nổi -> Bể UASB -> Bể điều chỉnh pH -> Bể Aerotank -> Bể Anoxic -> Bể lắng -> Bể khử trùng -> Nước đầu ra theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

Nước thải sau khi xử lý của Công ty đạt theo quy chuẩn hiện hành.

##### ➤ Khí thải

- Khí thải: Hệ thống xử lý khí thải được hợp đồng với đơn vị để xử lý, đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh và báo cáo kết quả quan trắc định kì 3 tháng/lần cho Vissan.

### ➤ **Chất thải rắn**

- **Chất thải rắn thông thường:** Công ty xây dựng nhà kho chứa chất thải rắn thông thường, phân loại từng khu vực để từng loại rác thải, nằm cách xa khu vực sản xuất. Công ty Vissan ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày theo đúng các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời các chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty đã được thu gom triệt để và lưu trữ đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Định kỳ công ty phun thuốc khử trùng và khử mùi nhà chứa rác. Vì vậy, chất thải rắn phát sinh của công ty không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và môi trường không khí xung quanh.

- Riêng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, Công ty Vissan cũng ký hợp đồng với các đơn vị ngoài để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- **Chất thải nguy hại (CTNH):** Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được phân loại từng khu vực để từng loại CTNH, có dán nhãn và biển báo cấm, không gây ảnh hưởng môi trường xung quanh. Công ty Vissan đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM cấp Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Mã số QLCTNH 79.000564.T ngày 13/09/2011. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### ➤ **Tiếng ồn**

Để giảm thiểu tiếng ồn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, sức khỏe người lao động, Công ty đã thực hiện:

- Bố trí các máy móc một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Đối với các máy có độ rung lớn phải đúc móng bê tông đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, có rãnh cát để tránh lan truyền độ rung.

- Các máy gây ồn lớn được cách ly trong các phòng kín có tường cách âm.

- Sử dụng hệ thống máy móc hiện đại với độ cách âm tốt và ít phát sinh tiếng ồn.

## **7.2. Đánh giá trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội:**

### **Đối với người lao động:**

- Vissan xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn cho người lao động. Con người là yếu tố cấu thành nên tổ chức và quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Thấu hiểu tầm quan trọng của giá trị lao động, trân trọng sự gắn kết, đồng hành của người lao động, Vissan đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động, chính sách phúc lợi dành cho người lao động, đảm bảo mức thu nhập ổn định nhằm giúp người lao động an tâm trong công tác.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động với các chương trình huấn luyện, đào tạo thiết thực nhằm phát triển nguồn nhân lực.

- Trong năm Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động như:

• Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Lao động bình quân thực hiện năm 2016: 3.870 người với mức thu nhập bình quân: 9.800.000 đồng/ người/ tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
  - ✓ Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo đặc thù công việc cho người lao động.
  - ✓ Bồi dưỡng sữa hằng ngày đối với người lao động làm việc tại các vị trí có yếu tố có hại, vi khí hậu vượt chuẩn.
  - ✓ Tổ chức khám sức khỏe, nghỉ mát hàng năm; thực hiện thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ.
  - ✓ Tặng quà cho lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam.
  - ✓ Tặng quà cho con người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng học sinh giỏi, tổ chức tham dự trại hè.
  - ✓ Chi hỗ trợ cho người lao động nghỉ hưu theo chế độ; tổ chức họp mặt, thăm hỏi cán bộ hưu trí hàng năm.
- Hoạt động đào tạo người lao động
  - ✓ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

STT	Số giờ đào tạo/người/năm (giờ)	Đối tượng được đào tạo
1	6	Công nhân sản xuất, nhân viên bán hàng
2	8	Chuyên viên nghiệp vụ khối phòng ban, lãnh đạo cấp trung tại đơn vị sản xuất
3	69	Nhân viên bán hàng mới tuyển dụng
4	10	Lãnh đạo đơn vị, phụ trách công đoàn, lãnh đạo cấp trung khối phòng ban

- ✓ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động trong quá trình làm việc:
  - + Kỹ năng giao tiếp;
  - + Kỹ năng soạn thảo văn bản, lưu trữ hồ sơ;
  - + Pháp luật lao động, chế độ chính sách, quyền lợi của người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội.

#### **Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Trong năm 2016, Công ty Vissan đã thực hiện nhiều chương trình cộng đồng như: tham gia thực hiện nhiều chương trình như chăm lo cho người nghèo ngày Tết, hỗ trợ sinh viên đón Tết, tặng quà cho người nghèo neo đơn, tặng quà cho đồng bào nghèo, đóng góp chương trình Satra vì biển đảo quê hương, đóng góp chương trình cho Quỹ xã hội từ thiện của SATRA và các chương trình từ thiện khác với tổng trị giá khoảng 1,3 tỷ đồng.

- Ngoài ra, Công ty tham gia các chương trình như: thăm và phụng dưỡng cho các mẹ Việt Nam Anh hùng; hưởng ứng chương trình “Giọt máu nghĩa tình” do Hội Chữ thập đỏ thành phố phát động, Công ty đã vận động cán bộ công nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo năm 2016 và nhận được hưởng ứng hiến máu của gần 196 cán bộ công nhân viên.

## **PHẦN III: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH; CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành**

Hoạt động của Công ty năm 2016 gồm giai đoạn doanh nghiệp nhà nước và giai đoạn doanh nghiệp cổ phần và có sự khác biệt trong cách quản trị, điều hành giữa 02 mô hình tổ chức này theo các quy định pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ. Tuy nhiên, Ban điều hành Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản đã có những chuyển biến cần thiết về quản trị, điều hành để hoàn thành nhiệm vụ ĐHCĐ giao trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức quản trị còn khiêm tốn.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể người lao động công ty để đạt kết quả lợi nhuận ấn tượng năm 2016 là 148,2 tỷ đồng, tăng 19% so với chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông. Đó là kết quả sự phối hợp đồng bộ, hợp tác, chia sẻ giữa 3 bộ phận Quản trị - Điều hành - Kiểm soát.

Ban điều hành đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng quản trị, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận năm 2016.

### **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2016 chỉ là năm khởi động việc chuyển đổi hình thức quản trị theo mô hình hiện đại của Công ty gắn với nỗ lực trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành. Công ty cần phải tiếp tục thay đổi, tăng tốc thực hiện tái cấu trúc một cách mạnh mẽ trong năm 2017 và các năm tiếp theo để thích nghi với sự thay đổi của thị trường, yêu cầu của cổ đông và các nhà đầu tư. Ngoài ra, năm 2017, nền kinh tế đất nước dự đoán vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và rủi ro tiềm ẩn (tổng cầu xã hội thấp, mức độ cạnh tranh gia tăng, biến động phức tạp của giá cả nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm,...).

Từ những nhận định trên và kế hoạch 05 năm 2016 – 2020 đã được ĐHCĐ phê duyệt, HĐQT định hướng hoạt động cho Công ty như sau:

- Chú trọng việc cân bằng giữa mục tiêu tài chính với các mục tiêu phi tài chính để đảm bảo Công ty phát triển một cách bền vững và có những bước tiến vững chắc trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt và có nhiều biến động.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả, áp dụng công cụ quản lý tiên tiến nhằm phù hợp với yêu cầu mới.
- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, trong đó tập trung phát triển thị trường thực phẩm tươi sống.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc,... đáp ứng yêu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.
- Tiếp tục chương trình tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất, hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động Công ty luôn an toàn và đúng theo các quy định của pháp luật, Điều lệ.

## **PHẦN IV: QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong năm 2016, HĐQT đã thông qua nhiều chủ trương lớn, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của Đại hội đồng cổ đông:

- Tổ chức 05 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Công ty.

#### **Nội dung và kết quả các buổi họp HĐQT:**

- ✓ **Cuộc họp ngày 28/05/2016**, thông qua các nội dung:
  - Bầu Chủ tịch HĐQT;
  - Phê duyệt bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
- ✓ **Cuộc họp ngày 03/06/2016**, thông qua các nội dung:
  - Thống nhất cơ cấu HĐQT gồm 01 Chủ tịch; 02 Phó Chủ tịch và các thành viên;
  - Phê duyệt và bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- ✓ **Cuộc họp ngày 22/06/2016**, thông qua các nội dung sau:
  - Thống nhất thành lập Ban chuyên trách các dự án Vissan thuộc Hội đồng quản trị;
  - Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;
  - Cơ cấu tổ chức Công ty;
  - Nhân sự giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
  - Phân cấp cho Tổng Giám đốc ban hành các quyết định nhân sự: Nhân sự Thư ký HĐQT và cán bộ Trưởng, Phó phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Công ty.
  - Giao Tổng Giám đốc triển khai các chính sách tiền lương, chế độ khen thưởng, phúc lợi cho Ban Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách và Kế toán trưởng;
  - Giao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát tiến hành rà soát và xem xét các quy chế còn hiệu lực của Công ty để sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới để hoàn thiện khung pháp lý trong điều hành hoạt động Công ty;
  - Chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty;
  - Giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký UPCOM, niêm yết cổ phiếu theo quy định và thực hiện các thủ tục xác định phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.
- ✓ **Cuộc họp ngày 29/7/2016**, thông qua các nội dung sau:
  - Kế hoạch lợi nhuận năm 2016 và chiến lược hoạt động năm 2016;
  - Giao Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch đầu tư năm 2016;
  - Chọn đối tác cho vay vốn đầu tư năm 2016;
  - Đồng ý cho Công ty Vissan ký các hợp đồng mua bán với Satra và Masan;
  - Quyết định thành lập Ban chuyên trách các dự án hoạt động độc lập với Ban điều hành Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT; Rà soát lại Dự án di dời và đổi mới công nghệ giết mổ và chế biến thực phẩm Vissan;
  - Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - Thống nhất mức lương, các điều khoản HĐLĐ đối với Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, riêng đối với mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách sẽ lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bằng văn bản;



- Thông qua nội dung phân công chi tiết HĐQT;
- Thành lập Ban Công bố thông tin;
- Giao Tổng Giám đốc tìm hiểu thêm về đối tác hợp tác chuyên giao công nghệ sản xuất;
- Chuẩn bị triển khai xây dựng đề án chuỗi sản xuất thực phẩm an toàn theo mô hình 3F (Feed – Farm – Food).

✓ **Cuộc họp ngày 11/10/2016**, thông qua các nội dung sau:

- Giao 02 Phó chủ tịch HĐQT phối hợp thực hiện phân tích, đánh giá, hoàn thiện chiến lược phát triển 05 năm của Công ty kết hợp đề án chuỗi sản xuất thực phẩm an toàn theo mô hình 3F;
  - Giao cho Tổng Giám đốc lập kế hoạch kinh doanh 2017 và dự thảo ngân sách 2017 trình HĐQT;
  - Triển khai đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2016 theo quy định pháp luật, điều lệ công ty;
  - Chấp thuận cho tiến hành khảo sát các trại chăn nuôi.
  - Thống nhất nhân sự giữ chức vụ Trưởng Ban chuyên trách các dự án Vissan thuộc Hội đồng quản trị. Đồng thời tìm nhân sự Phó Ban chuyên trách các dự án Vissan;
  - Giao Tổng Giám đốc ký Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất với Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo;
  - Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế quản lý hoạt động tài chính;
  - Thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng kéo dài thời hạn thuê mặt bằng nhà số 154 Phố Huế, Hà Nội với Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn và cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn thuê mặt bằng 464 Nguyễn Hữu Thọ, Đà Nẵng;
  - Thống nhất chọn Ngân hàng tài trợ vốn cho các hạng mục đầu tư năm 2016;
  - Thông qua đề cương kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng cuối năm 2016 của đơn vị kiểm toán và chi phí kiểm toán;
  - Thống nhất mức giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Vissan trên hệ thống giao dịch và ngày giao dịch đầu tiên.
- Tổ chức 01 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về mức lương của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách tại Công ty.
- Tổ chức 7 lần ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Ban hành 09 Nghị quyết và 35 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT về các vấn đề nhân sự, tổ chức bộ máy; xây dựng, sửa đổi hoặc chỉ đạo sửa đổi quy chế quản trị Công ty; chủ trương đầu tư, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trung và dài hạn và vấn đề quan trọng khác của Công ty theo đúng quy định.

HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Kiểm soát duy trì việc kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty theo pháp luật và Điều lệ; thực hiện công bố thông tin kịp thời và đúng quy định pháp luật.

Cơ cấu thành viên HĐQT Công ty hiện có 03 người không tham gia điều hành và 02 người kiêm nhiệm. Năm 2016, về cơ bản, các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, quyết định các định hướng lớn của công ty, kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công

tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty và các cổ đông.

## 2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

### 2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Kim Khánh	Trưởng Ban	28/5/2016	5	100%	0
2	Bà Hoàng Thị Kim Phượng	Kiểm soát viên	28/5/2016	5	100%	0
3	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	28/5/2016	5	100%	0

### 2.2. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám Đốc điều hành và cổ đông:

#### Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị: về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Về việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, theo đúng quy định tại điều lệ của Công ty, quy định của pháp luật. Năm 2016 Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch; lựa chọn được đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện xong việc đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên UPCOM; xem xét tình hình triển khai Dự án xây dựng nhà máy mới. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt. HĐQT thực hiện nghiêm túc việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư mới nhằm ổn định và phát triển cho Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản đã triển khai và hoàn tất 100% các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

#### Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc: về việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; về việc điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư của đơn vị với mục tiêu và các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2016; về việc lập báo cáo tài chính định kỳ và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực. Thường xuyên tổ chức họp giao ban, rà soát đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.

- Ban Tổng Giám đốc làm việc định kỳ hàng tuần với phụ trách các đơn vị trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

- Ban Điều hành đã thực hiện tốt việc lập báo cáo tài chính định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Nghiêm túc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ cũng như Nghị quyết và các quyết định của HĐQT Công ty, phù hợp với Điều lệ và các quy định Pháp luật. Đề xuất HĐQT Công ty xem xét các vấn đề về kinh doanh, đầu tư và tài chính của Công ty cổ phần Việt nam Kỹ nghệ Súc sản.

#### **Đối với cổ đông**

- Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông thường niên 2016 về hoạt động của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động năm 2017. Báo cáo kết quả giám sát HĐQT và Ban Điều hành Công ty cổ phần Việt nam Kỹ nghệ Súc sản năm 2016.

- Đối với yêu cầu của cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước giữ cổ phần chi phối, BKS thực hiện đúng theo nội dung; thời hạn và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với các bộ phận trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong kỳ Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham dự giao ban định kỳ hàng tuần với Ban Tổng Giám đốc, các Phòng Ban chức năng của Cty và phụ trách các đơn vị trực thuộc.

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với BKS khi có yêu cầu, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tham gia các tất cả các cuộc họp.

- Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch làm việc; kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm, và phối hợp tốt với các Phòng Ban chức năng của Công ty.

- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát, và biên bản thẩm định báo cáo tài chính của Cty. Phân tích đánh giá và thống kê các chỉ tiêu để hỗ trợ cho công tác quản lý và điều hành Cty.

- Ban Kiểm Soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT. Sự liên lạc, trao đổi hoặc hoạt động phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành được tiến hành thường xuyên và thuận lợi.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 06 tháng cuối năm 2016 (01/07 – 31/12/2016)**

#### **3.1 Lương người quản lý Công ty (Ban TGD, KTT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách)**

STT	Đối tượng	Chức vụ	Mức lương	Tiền lương thực hiện 06 tháng cuối năm 2016
1	Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc	52.000.000	374.400.000

2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc	46.000.000	331.200.000
3	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	46.000.000	331.200.000
4	Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc	46.000.000	331.200.000
5	Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc	46.000.000	331.200.000
6	Ông Huỳnh Quang Giàu	Kế toán trưởng	42.000.000	302.400.000
7	Ông Nguyễn Kim Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát	46.000.000	331.200.000

### 3.2 Thù lao HĐQT, KSV không chuyên trách

STT	Đối tượng	Số người	Mức thù lao 6 tháng cuối năm 2016	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016
A	B	1	2	3=(1*2*6th)
1	Chủ tịch HĐQT	1	7.000	42.000
2	Thành viên HĐQT	4	5.000	120.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	1	5.000	30.000
4	Thành viên BKS	2	4.000	48.000
5	Thư ký HĐQT	1	3.000	18.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9</b>		<b>258.000</b>

### 4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản có 02 cổ đông lớn: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA), sở hữu 67,76 % vốn cổ phần của Công ty và Công ty cổ phần dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO), sở hữu 24,94 % vốn cổ phần của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty Vissan có hoạt động mua, bán về nguyên phụ liệu, thuê sạp chợ, thuê kho, hàng công nghệ,... với Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA) và các đơn vị thành viên thuộc SATRA, như sau:

- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Kho lạnh SATRA.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi SATRA.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Siêu thị Satra đường Phạm Hùng.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm phân phối SATRA.
- Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm dịch vụ SATRA.
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trung tâm dịch vụ ăn uống SATRA.

### 5. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Tất cả các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Trong năm 2016, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có các bước thực hiện như sau:

- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông về thông qua mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách tại Công ty.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Công ty đã tập trung rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty, giúp HĐQT và Ban Điều hành quản lý chuẩn mực và hiệu quả. Một số quy chế và quy định nội bộ đã được HĐQT thông qua trong năm 2016 như sau:

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế quản lý tài chính;
- Quy chế công bố thông tin;
- Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động;
- Quy chế trả lương, thưởng và thù lao đối với người quản lý;
- Và các quy chế/quy định khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

- Năm 2017, Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý của Công ty Vissan. Đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ của Công ty.

**PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (Vui lòng xem bảng đính kèm).



TỔNG GIÁM ĐỐC *Minh*

*Nguyễn Ngọc An*



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc  
sản (trước đây là Công ty TNHH MTV  
Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

**Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng từ  
ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



PHÒNG THỐNG KÊ CHẾ ĐO  
ĐÃ NHẬN BÁO CÁO  
Ngày: 24/3/2017  
Người nhận: Lâm

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc  
sản (trước đây là Công ty TNHH MTV  
Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

**Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng từ  
ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

2017

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 0300105356 ngày 1 tháng 7 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300105356 ngày 1 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch
Ông Văn Đức Mười	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc An	Thành viên

**Ban Kiểm Soát**

Ông Nguyễn Kim Khánh	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim Phượng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn An	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 8 năm 2016)
Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2016)

**Trụ sở đăng ký**

420 Nơ Trang Long, phường 13  
Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.



Văn Đức Mười *Đan*  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 8 năm 2016.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán: 16-01-787



Hà Văn Đình  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/7/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>836.641.456.888</b>	<b>693.302.913.683</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>214.323.025.813</b>	<b>198.279.879.091</b>
Tiền	111		89.274.136.924	58.279.879.091
Các khoản tương đương tiền	112		125.048.888.889	140.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>165.840.472.191</b>	<b>150.271.586.326</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(b)	152.437.082.786	140.922.834.258
Trả trước cho người bán	132		4.907.738.988	1.552.652.684
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	9.319.079.027	7.796.099.384
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7(c)	(823.428.610)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>452.525.036.233</b>	<b>340.097.784.816</b>
Hàng tồn kho	141	9	452.717.790.648	340.097.784.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(192.754.415)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.952.922.651</b>	<b>4.653.663.450</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	3.596.017.465	4.235.601.274
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.746.172	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16(b)	293.159.014	418.062.176

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/7/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>653.337.711.002</b>	<b>680.083.128.829</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.476.678.682</b>	<b>2.059.454.542</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7(b)	-	748.438.860
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	125.337.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	1.476.678.682	1.185.678.682
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>466.960.254.845</b>	<b>467.754.006.467</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	199.218.685.239	196.763.342.849
Nguyên giá	222		375.698.519.694	358.495.019.641
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.479.834.455)	(161.731.676.792)
Tài sản cố định vô hình	227	11	267.741.569.606	270.990.663.618
Nguyên giá	228		277.779.265.697	276.887.411.433
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.037.696.091)	(5.896.747.815)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.603.096.555</b>	<b>16.343.953.467</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	20.603.096.555	16.343.953.467
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.832.567.833</b>	<b>4.832.567.833</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	4.832.567.833	4.832.567.833
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>159.465.113.087</b>	<b>189.093.146.520</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	158.937.213.503	189.093.146.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	527.899.584	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.489.979.167.890</b>	<b>1.373.386.042.512</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

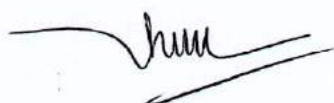
**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>626.140.747.471</b>	<b>500.757.526.028</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>613.434.865.119</b>	<b>477.794.759.297</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15(b)	144.884.450.265	144.965.643.281
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		47.458.444.548	8.529.434.522
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	38.542.887.143	38.722.210.524
Phải trả người lao động	314		56.953.411.263	47.265.615.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		705.395.054	597.470.226
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	74.519.953.581	97.682.111.634
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18(a)	214.331.478.628	110.499.498.093
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	36.038.844.637	29.532.775.319
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.705.882.352</b>	<b>22.962.766.731</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	15(b)	-	1.786.296.143
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18(b)	12.705.882.352	21.176.470.588
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>863.838.420.419</b>	<b>872.628.516.484</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>863.838.420.419</b>	<b>872.628.516.484</b>
Vốn cổ phần	411	22	809.143.000.000	809.143.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		809.143.000.000	809.143.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.695.420.419	63.485.516.484
- LNST đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.695.420.419	63.485.516.484
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.489.979.167.890</b>	<b>1.373.386.042.512</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:

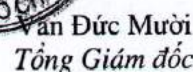


Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán tổng hợp



Huỳnh Quang Giàu  
Kế toán trưởng



  
Văn Đức Mười  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>1.845.132.894.407</b>	<b>1.855.445.666.386</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>6.275.928.293</b>	<b>23.356.325.140</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>1.838.856.966.114</b>	<b>1.832.089.341.246</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>1.437.446.477.200</b>	<b>1.463.656.435.251</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>401.410.488.914</b>	<b>368.432.905.995</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.645.047.364	6.149.339.199
Chi phí tài chính	22	27	7.466.299.454	8.633.809.037
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.663.246.590</i>	<i>4.811.444.065</i>
Chi phí bán hàng	25	28	206.059.771.261	207.719.903.556
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	124.139.764.881	79.811.227.518
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>67.389.700.682</b>	<b>78.417.305.083</b>
Thu nhập khác	31	30	1.797.830.770	2.459.309.471
Chi phí khác	32	31	632.808.056	1.226.475.375
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.165.022.714</b>	<b>1.232.834.096</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>68.554.723.396</b>	<b>79.650.139.179</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>14.387.202.561</b>	<b>16.164.622.695</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(527.899.584)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>54.695.420.419</b>	<b>63.485.516.484</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

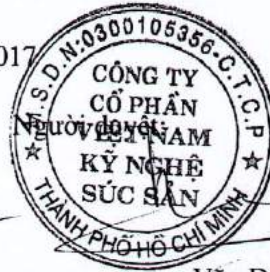
	Mã số	Thuyết minh	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	<u>357</u>

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán tổng hợp

Huỳnh Quang Giàu  
Kế toán trưởng



Văn Đức Mười  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.211.234.758.514	2.165.369.626.171
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.871.336.476.251)	(1.733.552.594.910)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(169.537.214.413)	(277.584.672.478)
Tiền lãi vay đã trả	05	(4.496.197.270)	(4.597.352.726)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(16.693.841.371)	(23.603.921.448)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.321.693.192	2.900.488.725.329
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(148.930.004.024)	(3.043.032.737.442)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>6.562.718.377</b>	<b>(16.512.927.504)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24.346.879.215)	(23.120.482.007)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.403.379.103	5.995.165.872
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.943.500.112)</b>	<b>(17.125.316.135)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

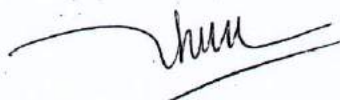
**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
 (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		443.621.815.667	366.848.309.495
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(348.260.423.368)	(343.328.897.212)
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(64.963.414.600)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>30.397.977.699</b>	<b>23.519.412.283</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>16.017.195.964</b>	<b>(10.118.831.356)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		198.279.879.091	208.394.756.709
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.950.758	3.953.738
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 61 + 60)	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>214.323.025.813</b>	<b>198.279.879.091</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

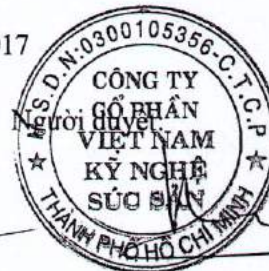
Người lập:

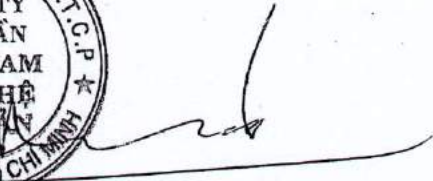


Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán tổng hợp



Huỳnh Quang Giàu  
Kế toán trưởng



  
Văn Đức Mười  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 1 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt
- Sản xuất, kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền)
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt
- Kinh doanh trái cây
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm và chế biến nên nhu cầu dự trữ hàng hóa vào các dịp lễ, tết thường cao hơn so với bình thường.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 1
- Chi nhánh 2 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 2
- Chi nhánh 3 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 3
- Chi nhánh 4 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 4
- Chi nhánh 5 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 5
- Chi nhánh 6 – Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 7 – Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 8 – Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 9 – Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 10 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 11 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận;
- Chi nhánh 12 – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện tại Số 12L, Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 4.149 nhân viên (1/7/2016: 3.812 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại ngày 1 tháng 7 năm 2016.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần là từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản đối với tài sản và bán chuyên khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 5 – 30 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 3 – 10 năm |

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 6 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 47 năm.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(iii) Lợi thế thương mại khi xác định lại giá trị doanh nghiệp**

Lợi thế thương mại khi xác định lại giá trị doanh nghiệp bao gồm: giá trị thương hiệu, giá trị tiềm năng phát triển và lợi thế quyền thuê sạp chợ.

Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm, bao gồm chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web.

Giá trị tiềm năng phát triển được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Giá trị lợi thế quyền thuê sạp chợ được định giá và tính vào giá trị doanh nghiệp theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Lợi thế thương mại khi xác định lại giá trị doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến và các sản phẩm liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Tiền mặt	7.452.107.800	3.670.205.000
Tiền gửi ngân hàng	81.799.664.022	49.601.650.860
Tiền đang chuyển	22.365.102	5.008.023.231
Các khoản tương đương tiền	125.048.888.889	140.000.000.000
	214.323.025.813	198.279.879.091

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng tại các ngân hàng.

**6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số lượng	% sở hữu	31/12/2016 và 1/7/2016 % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	591.743	0,19%	0,19%	4.832.567.833	5.512.670.000

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM	58.702.963.628	61.409.491.723
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV:	15.252.479.662	11.965.590.523
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Điều hành Satrafoods	13.851.081.834	11.597.759.289
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Satra Phạm Hùng	541.347.236	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Siêu thị Satra Sài Gòn	816.887.061	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Thương xá Tax	15.405.860	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Phân phối Satrafoods	-	367.831.234
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	27.757.671	-
Các khách hàng khác	78.481.639.496	68.296.190.872
	152.437.082.786	141.671.273.118

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	152.437.082.786	140.922.834.258
Dài hạn	-	748.438.860
	152.437.082.786	141.671.273.118

**(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV:	15.252.479.662	11.965.590.523
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Điều hành Satrafoods	13.851.081.834	11.597.759.289
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV –		
Trung Tâm Satra Phạm Hùng	541.347.236	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV –		
Siêu thị Satra Sài Gòn	816.887.061	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV –		
Thương xá Tax	15.405.860	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Phân phối Satrafoods	-	367.831.234
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
– Trung tâm Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	27.757.671	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>1/7/2016 đến</b>
	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-
Tăng dự phòng trong kỳ	823.428.610
	823.428.610

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	3.060.872.284	7.651.293
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được kê khai khấu trừ	-	293.939.480
Tạm ứng	1.274.422.152	1.464.291.214
Ký quỹ, ký cược	380.000.000	620.200.000
Phải thu về cổ phần hóa	2.415.291.837	2.295.491.837
Lãi tiền gửi ngân hàng	365.288.273	398.152.777
Phải thu Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	499.424.947	499.424.947
Phải thu khác	1.323.779.534	2.216.947.836
	9.319.079.027	7.796.099.384

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược	951.500.000	660.500.000
Phải thu khác	525.178.682	525.178.682
	1.476.678.682	1.185.678.682

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/7/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.889.759.396	-	3.117.503.126	-
Nguyên vật liệu	80.487.412.716	-	73.819.785.535	-
Công cụ và dụng cụ	40.868.144.479	-	37.481.238.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.242.232.590	-	5.874.809.188	-
Thành phẩm	308.434.749.992	(192.754.415)	208.295.359.021	-
Hàng hóa	11.682.856.402	-	9.181.265.828	-
Hàng gửi đi bán	112.635.073	-	2.327.823.619	-
	<b>452.717.790.648</b>	<b>(192.754.415)</b>	<b>340.097.784.816</b>	<b>-</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 4.153 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2016: Không VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Biến động trong kỳ của dự phòng hàng tồn kho như sau:

	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng dự phòng trong kỳ	192.754.415
Số dư cuối kỳ	<u>192.754.415</u>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	114.321.996.133	174.089.780.505	53.091.193.969	16.992.049.034	358.495.019.641
Tăng trong kỳ	-	716.483.000	6.416.996.778	337.483.000	7.470.962.778
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.094.482.728	3.455.509.091	-	5.182.545.456	9.732.537.275
Số dư cuối kỳ	115.416.478.861	178.261.772.596	59.508.190.747	22.512.077.490	375.698.519.694
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	16.328.599.441	101.094.942.872	33.419.048.877	10.889.085.602	161.731.676.792
Khấu hao trong kỳ	3.036.052.764	7.887.397.703	2.507.163.119	1.317.544.077	14.748.157.663
Số dư cuối kỳ	19.364.652.205	108.982.340.575	35.926.211.996	12.206.629.679	176.479.834.455
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	97.993.396.692	72.994.837.633	19.672.145.092	6.102.963.432	196.763.342.849
Số dư cuối kỳ	96.051.826.656	69.279.432.021	23.581.978.751	10.305.447.811	199.218.685.239

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 541 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 32.389 triệu VND (1/7/2016: 32.879 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty. (Thuyết minh 18(a)).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	273.611.911.433	3.275.500.000	276.887.411.433
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	891.854.264	891.854.264
Số dư cuối kỳ	273.611.911.433	4.167.354.264	277.779.265.697
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	5.197.456.103	699.291.712	5.896.747.815
Khấu hao trong kỳ	3.746.822.370	394.125.906	4.140.948.276
Số dư cuối kỳ	8.944.278.473	1.093.417.618	10.037.696.091
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	268.414.455.330	2.576.208.288	270.990.663.618
Số dư cuối kỳ	264.667.632.960	3.073.936.646	267.741.569.606

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 39 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/7/2016: 39 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 2.042 triệu VND (1/1/2016: 2.053 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b)).



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Số dư đầu kỳ	16.343.953.467	25.432.201.271
Tăng trong kỳ	15.435.633.357	5.645.079.779
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.732.537.275)	(10.538.403.837)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(891.854.264)	(1.520.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(466.543.000)	(2.593.603.746)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(85.555.730)	(81.320.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.603.096.555</b>	<b>16.343.953.467</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/7/2016 VND</b>
Xây dựng dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm tại Long An	8.387.417.431	7.229.901.326
Phần mềm quản lý bán hàng	3.559.518.855	8.978.471.849
Heo giống Mỹ	8.302.025.432	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	354.134.837	135.580.292
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.603.096.555</b>	<b>16.343.953.467</b>

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/7/2016 VND</b>
Công cụ, dụng cụ	1.335.181.232	1.487.811.276
Chi phí thuê	1.112.014.367	1.742.208.425
Chi phí khác	1.148.821.866	1.005.581.573
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.596.017.465</b>	<b>4.235.601.274</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
 (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng ở Khu Công nghiệp Tiên Sơn Bắc Ninh VND</b>	<b>Chi phí trả trước về thuê hoạt động VND</b>	<b>Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	5.017.749.200	1.933.789.746	1.777.713.062	177.443.326.474	2.920.568.038	189.093.146.520
Tăng trong kỳ	2.167.163.071	-	-	-	1.584.734.539	3.751.897.610
Phân bổ trong kỳ	(2.946.032.571)	(28.935.708)	(140.433.816)	(29.573.887.742)	(1.218.540.790)	(33.907.830.627)
	<b>4.238.879.700</b>	<b>1.904.854.038</b>	<b>1.637.279.246</b>	<b>147.869.438.732</b>	<b>3.286.761.787</b>	<b>158.937.213.503</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	Thuế suất	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	527.899.584	-

**15. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016		1/7/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV	60.781.491.752	60.781.491.752	80.416.943.441	80.416.943.441
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trụ sở chính	57.274.014.697	57.274.014.697	77.391.279.432	77.391.279.432
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Kho lạnh Satra	353.297.569	353.297.569	361.730.642	361.730.642
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm phân phối	3.149.191.386	3.149.191.386	2.642.630.207	2.642.630.207
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm dịch vụ	4.988.100	4.988.100	7.980.960	7.980.960
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm điều hành cửa hàng tiện lợi Satra Foods	-	-	13.322.200	13.322.200
Các khách hàng khác	84.102.958.513	84.102.958.513	66.334.995.983	66.334.995.983
	144.884.450.265	144.884.450.265	146.751.939.424	146.751.939.424

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2016		1/7/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	144.884.450.265	144.884.450.265	144.965.643.281	144.965.643.281
Dài hạn	-	-	1.786.296.143	1.786.296.143
	<u>144.884.450.265</u>	<u>144.884.450.265</u>	<u>146.751.939.424</u>	<u>146.751.939.424</u>

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2016		1/7/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV	60.781.491.752	60.781.491.752	80.416.943.441	80.416.943.441
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV – Trụ sở chính	57.274.014.697	57.274.014.697	77.391.279.432	77.391.279.432
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Kho lạnh Satra	353.297.569	353.297.569	361.730.642	361.730.642
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm phân phối	3.149.191.386	3.149.191.386	2.642.630.207	2.642.630.207
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm dịch vụ	4.988.100	4.988.100	7.980.960	7.980.960
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm điều hành cửa hàng tiện lợi Satra Foods	-	-	13.322.200	13.322.200
	<u>144.884.450.265</u>	<u>144.884.450.265</u>	<u>146.751.939.424</u>	<u>146.751.939.424</u>

Các khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/7/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.394.049.297	60.159.232.710	(55.179.859.324)	13.373.422.683
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.626.917.715	(1.626.917.715)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	162.200.644	(162.200.644)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.154.391.305	14.711.842.600	(16.693.841.371)	6.172.392.534
Thuế thu nhập cá nhân	6.753.452	1.023.747.298	(23.122.150)	1.007.378.600
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	21.795.928.881	938.477.278	(4.992.080.936)	17.742.325.223
Thuế đất phi nông nghiệp	356.087.589	12.341.216	(121.060.702)	247.368.103
Các loại thuế khác	15.000.000	347.391.770	(362.391.770)	-
	<b>38.722.210.524</b>	<b>78.982.151.231</b>	<b>(79.161.474.612)</b>	<b>38.542.887.143</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản tiền thuê đất này đang được kiểm tra cho mục đích quyết toán chuyên đề. Giá trị sau khi quyết toán có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/7/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	31/12/2016 VND
Thuế xuất nhập khẩu	21.357.398	-	(21.357.398)	-
Thuế thu nhập cá nhân	396.704.778	293.159.014	(396.704.778)	293.159.014
	<b>418.062.176</b>	<b>293.159.014</b>	<b>(418.062.176)</b>	<b>293.159.014</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.477.144.931	1.214.951.938
Phải trả về cổ phần hóa	4.560.037.991	4.560.037.991
Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV (*)	37.654.516.484	64.963.414.600
Phải trả khác cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV	3.005.480.809	2.297.380.069
Chiết khấu bán hàng	11.884.813.331	8.252.040.238
Hỗ trợ bán hàng	5.945.934.223	9.438.921.528
Chi phí vận chuyển	78.104.000	188.243.960
Tiền ăn trưa	-	960.261.316
Nhận ký cược, ký quỹ	209.545.295	108.120.917
Lãi vay	167.049.320	-
Phải trả khác	8.537.327.197	5.698.739.077
	<b>74.519.953.581</b>	<b>97.682.111.634</b>

(\*) Khoản phải trả này thể hiện khoản lợi nhuận trong giai đoạn cổ phần hóa phải chuyển về cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV.

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>1/7/2016</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>31/12/2016</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	
Vay ngắn hạn	110.499.498.093	443.621.815.667	(345.436.893.956)	208.684.419.804
Vay dài hạn đến hạn trả	-	8.470.588.236	(2.823.529.412)	5.647.058.824
	<b>110.499.498.093</b>	<b>452.092.403.903</b>	<b>(348.260.423.368)</b>	<b>214.331.478.628</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	4,30% - 4,40%	101.780.625.500	96.627.299.914
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	VND	4,30%	99.967.695.216	-
▪ Ngân hàng TNHH CTBC (i)	VND	6,85% - 7,00%	6.936.099.088	13.872.198.179
<b>Vay ngắn hạn đến hạn trả</b>				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,50% - 7,00%	5.647.058.824	-
			214.331.478.628	110.499.498.093

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 6.311 triệu VND (1/7/2016: 6.506 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Vay dài hạn	18.352.941.176	21.176.470.588
	18.352.941.176	21.176.470.588
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.647.058.824)	-
	12.705.882.352	21.176.470.588

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (i)	VND	6,50% - 7,00%	2019	18.352.941.176	21.176.470.588

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 26.078 triệu VND và 2.042 triệu VND (1/7/2016: 26.373 triệu VND và 2.053 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11).

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo văn bản số 20742/TCT-KH&ĐTTC của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Quỹ khen thưởng	22.615.759.860	12.748.888.022
Quỹ phúc lợi	13.191.590.984	16.399.813.504
Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	231.493.793	384.073.793
	<b>36.038.844.637</b>	<b>29.532.775.319</b>

Biến động của quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ như sau:

	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	29.532.775.319	57.878.447.431
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	25.831.000.000	26.329.019.244
Sử dụng trong kỳ	(19.324.930.682)	(54.674.691.356)
Số dư cuối kỳ	<b>36.038.844.637</b>	<b>29.532.775.319</b>



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	426.573.696.259	177.585.873.724	206.546.468.638	-	-	91.292.433.844	901.998.472.465
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	63.485.516.484	63.485.516.484
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	34.887.730.153	30.075.684.447	(64.963.414.600)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.329.019.244)	(26.329.019.244)
Điều chuyển vốn về công ty mẹ	-	-	-	(34.887.730.153)	(30.075.684.447)	-	(64.963.414.600)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	426.573.696.259	177.585.873.724	206.546.468.638	-	-	63.485.516.484	874.191.555.105
Tăng vốn theo giấy phép kinh doanh	384.132.342.362	(177.585.873.724)	(206.546.468.638)	-	-	-	-
Điều chỉnh vốn chuyển về công ty mẹ	(1.563.038.621)	-	-	-	-	-	(1.563.038.621)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016</b>	809.143.000.000	-	-	-	-	63.485.516.484	872.628.516.484
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	54.695.420.419	54.695.420.419
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	19.045.654.945	-	(19.045.654.945)	-
Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 21)	-	-	-	(19.045.654.945)	-	(18.608.861.539)	(37.654.516.484)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(25.831.000.000)	(25.831.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	809.143.000.000	-	-	-	-	54.695.420.419	863.838.420.419

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Phân phối lợi nhuận**

Căn cứ theo Quyết định số 20742/TCT-KH&ĐTTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV, Công ty đã phân phối khoản lợi nhuận 37.654.516.484 VND về Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2016 và 1/7/2016</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.914.300	809.143.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	80.914.300	809.143.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	80.914.300	809.143.000.000

Vốn cổ phần chi tiết theo cổ đông lớn:

	<b>Đã phát hành tại ngày 31/12/2016</b>		<b>Đã phát hành tại ngày 1/7/2016</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV	548.298.780.000	67,76	548.298.780.000	67,76
Công ty CP Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế (ANCO)	201.800.260.000	24,94	113.280.020.000	14,00
Các cổ đông khác	59.043.960.000	7,30	147.564.200.000	18,24
	809.143.000.000	100	809.143.000.000	100

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	38.458.275.277	39.790.657.816
Từ hai đến năm năm	145.564.009.175	146.934.410.177
Trên năm năm	64.660.329.460	65.898.393.603
	<hr/>	<hr/>
	248.682.613.912	252.623.461.596
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/7/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	279.915	6.359.577.718	177.586	3.956.184.741
EUR	803	19.151.486	802	19.831.692
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/7/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.290.812.248.468	1.289.401.897.032
Đã được duyệt và được ký kết hợp đồng	659.955.684	637.464.775
	<hr/>	<hr/>
	1.291.472.204.152	1.290.039.361.807
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	1.845.132.894.407	1.855.445.666.386
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(5.997.150.662)	(21.910.436.437)
▪ Hàng bán bị trả lại	(278.777.631)	(1.445.888.703)
	(6.275.928.293)	(23.356.325.140)
Doanh thu thuần	1.838.856.966.114	1.832.089.341.246

**25. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán trong kỳ.

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	3.370.514.599	5.994.490.871
Lãi chênh lệch tỷ giá	154.522.163	34.848.328
Doanh thu hoạt động tài chính khác	120.010.602	120.000.000
	3.645.047.364	6.149.339.199

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí tài chính**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	4.663.246.590	4.811.444.065
Chiết khấu thanh toán	2.777.428.824	3.068.013.385
Lỗi chênh lệch tỷ giá	25.624.040	74.249.420
Chi phí tài chính khác	-	680.102.167
	<b>7.466.299.454</b>	<b>8.633.809.037</b>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	93.101.320.748	102.820.776.416
Chi phí vật liệu, bao bì	9.876.993.936	7.274.457.596
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.391.848.669	6.296.719.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.748.650	1.736.622.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài:	36.727.669.826	31.407.188.091
- Chi phí vận chuyển	14.848.010.363	12.739.162.219
- Chi phí thuê kho, thuê mặt bằng	12.052.935.644	10.021.988.563
- Các chi phí khác	9.826.723.819	8.646.037.309
Chi phí khác:	56.655.189.432	58.184.139.538
- Chi phí chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	34.462.409.521	29.759.614.132
- Các chi phí khác	22.192.779.911	28.424.525.406
	<b>206.059.771.261</b>	<b>207.719.903.556</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
 (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	39.598.228.026	51.306.372.388
Chi phí vật liệu quản lý	1.266.978.162	1.476.610.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.021.959.849	2.837.734.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.278.557.368	1.243.123.364
Thuế, phí và lệ phí	3.115.062.225	2.835.461.035
Chi phí dự phòng	823.428.610	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.971.548.181	23.383.135.283
- Chi phí thuê mặt bằng	17.870.372.926	17.960.413.986
- Các chi phí khác	5.101.175.255	5.422.721.297
Chi phí khác	48.064.002.460	(3.271.209.712)
- Điều chỉnh quỹ khoa học công nghệ	-	(14.450.000.000)
- Lợi thế thương mại	29.549.274.897	-
- Các chi phí khác	18.514.727.563	11.178.790.288
	<b>124.139.764.881</b>	<b>79.811.227.518</b>

**30. Thu nhập khác**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Bán phế liệu	604.287.546	588.904.091
Khuyến mãi, chiết khấu bán hàng	367.211.510	1.124.279.153
Thu nhập khác	826.331.714	746.126.227
	<b>1.797.830.770</b>	<b>2.459.309.471</b>

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí khác**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Phạt vi phạm hành chính	12.119.282	836.109.430
Chi phí thu gom phế liệu	274.653.216	241.319.537
Chi phí khác	346.035.558	149.046.408
	632.808.056	1.226.475.375

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.173.032.610.751	1.142.379.194.496
Chi phí nhân công và nhân viên	211.844.965.612	231.935.981.722
Chi phí khấu hao	18.889.105.939	9.684.713.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.573.102.592	80.122.081.161
Chi phí khác	141.888.310.195	87.840.691.659
	3.715.528.005.139	3.646.933.882.764

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	14.387.202.561	16.164.622.695
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(527.899.584)	-
	13.859.302.977	16.164.622.695

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.554.723.396	79.650.139.179
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.710.944.679	15.930.027.836
Chi phí không được khấu trừ thuế	189.522.254	338.238.666
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập từ chăn nuôi được ưu đãi	(41.163.956)	(102.714.537)
Thay đổi chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	(929.270)
	<b>13.859.302.977</b>	<b>16.164.622.695</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%)

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>1/7/2016 đến 31/12/2016 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	54.695.420.419
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(25.831.000.000)
	<b>28.864.420.419</b>



**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
**(trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

**Số cổ phiếu**  
**1/7/2016 đến**  
**31/12/2016**

Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ 80.914.300

Công ty không trình bày số liệu so sánh cho lãi cơ bản trên cổ phiếu do ở kỳ so sánh Công ty chưa phải là một công ty cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	1/7/2016 đến 31/12/2016 VND	1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Mua hàng	434.354.738.656	348.860.275.713
Bán hàng	81.511.170.734	66.099.650.854
Phân phối lợi nhuận	37.654.516.484	64.963.414.600
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.635.517.000	1.492.417.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	148.000.000	514.388.000

**Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản**  
 (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

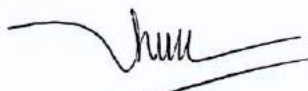
Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

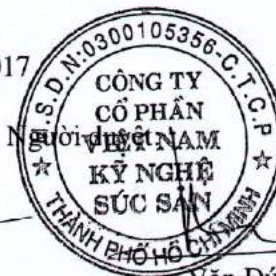
	31/12/2016 VND	1/7/2016 VND
Mua tài sản cố định hữu hình/xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	3.467.355.093	2.753.740.173
Ứng trước tiền mua tài sản cố định hữu hình/xây dựng cơ bản dở dang	2.153.898.000	-

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:

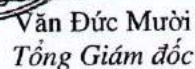


Đỗ Thị Thu Thủy  
Kế toán tổng hợp





Huỳnh Quang Giàu  
Kế toán trưởng

  
Văn Đức Mười  
Tổng Giám đốc

43